

Xuất xứ và nội dung BỘ PATTHĀNA thuộc Luận tạng Pāli

Tk. Pasado - Diệu Giác

1. Ý NGHĨA TÊN GỌI CỦA BỘ PATTHĀNA

Phân tích từ ngữ Patthāna – Phát Thú

- Pat: Là điều đầu tiên
- Thāna: Là vị trí, nền tảng, nguồn gốc, hay cơ sở
- Patthāna – Phát Thú: Là nguồn gốc, cơ sở, nền tảng hay vị trí đầu tiên của tất cả các Pháp (pháp hiệp thể, tục đế, chân đế, siêu thể). Đại Phát Thú là cao siêu, thâm thâm, vi diệu.

2. XUẤT XỨ CỦA BỘ PATTHĀNA

Kinh Patthāna (Đại Phát Thú) là Bộ Kinh thứ bảy của Tạng Vô Tỷ Pháp. Vô Tỷ Pháp Tạng có tất cả 7 bộ, 6 bộ đầu diễn giải và kết hợp tất cả các Pháp dẫn dắt đến bộ thứ 7, là Bộ Đại Phát Thú đúc kết tất cả cốt lõi và tinh hoa yếu lược của Phật Pháp. Kinh Phát Thú bao chứa tất cả cốt lõi của Vô Tỷ Pháp Tạng, là nơi của Bạc Trí Toàn Giác tiến hành đi lại suy ngẫm chiêm nghiệm tất cả các Pháp. Tạng Vô Tỷ Pháp là yếu mạch của Giáo Pháp bao gồm 42.000 Pháp Uẩn thuộc trong 84.000 Pháp Uẩn của Đức Phật. Kinh Tạng bao gồm 21.000 Pháp Uẩn và Luật Tạng bao gồm 21.000 Pháp Uẩn. Vô Tỷ Pháp Tạng bao gồm 7 bộ:

1. Bộ Pháp Tụ
2. Bộ Phân Tích
3. Bộ Nguyên Chất Ngữ
4. Bộ Nhân Chế Định
5. Bộ Ngữ Tông
6. Bộ Song Đối
7. Bộ Phát Thú

3. THỜI GIAN CỦA BỘ KINH PHÁT THÚ

Do báo hiếu cho Thân mẫu là Hoàng hậu Maya, vào hạ thứ bảy Đức Phật thuyết giảng Vô Tỷ Pháp Tạng để độ cho Mẹ và Chư Thiên. Sau khi Đức Phật giảng Vô Tỷ Pháp Tạng ở Đạo Lợi Thiên thì có 800 triệu Chư Thiên được chứng đắc Sơ Đạo, Sơ Quả (Thất Lai). Đây là thời gian mà Đức Phật độ nhiều chúng sanh nhất trong 45 năm mà Ngài hóa độ chúng sanh. Đức Phật không thuyết giảng Vô Tỷ Pháp Tạng cho nhân loại. Đức Phật chỉ trùng tuyên Vô Tỷ Pháp cho



Ngài Xá Lợi Phất sau khi thuyết giảng cho Chư Thiên ở cung Trời Đao Lợi. Đức Phật trùng tuyên Vô Tỷ Pháp cho Ngài Xá Lợi Phất theo Mẫu Đề như trong Bộ Pháp Tụ. Ví dụ, một trong những mẫu đề là Mẫu Tam Đề có 3 Pháp là:

- * *Pháp Thiện do Nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si làm mãnh lực.*
- * *Pháp Bất Thiện là do Nhân Tham, Sân, Si làm mãnh lực.*
- * *Pháp Vô Ký do Nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.*

Ngài Xá Lợi Phất (danh hiệu là tướng quân Pháp Vương) với trí tuệ siêu việt đã kết tập những lời trùng tuyên của Đức Phật thành Tạng Vô Tỷ Pháp. Khi Ngài Xá Lợi Phất thuyết giảng Vô Tỷ Pháp cho các vị Tỷ khưu thì có 500 vị chứng đắc quả vị A La Hán. Thế mới biết là năng lực của Vô Tỷ Pháp Tạng rất vi diệu đến con đường giải thoát niết bàn.

Nhờ ơn của Đức Phật và Ngài Xá Lợi Phất mà ngày nay chúng ta có Tạng Vô Tỷ Pháp, chỉ cho chúng ta thấy rõ nguồn gốc và vị trí của các Pháp chung quanh ta, các Pháp trong ta, và các Pháp đưa ta đến thành đạt đạo quả niết bàn.

4. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BỘ PATTHĀNA

Kinh Đại Phát Thú có 3 nội dung chính

1. Nội dung thứ nhất: Trình bày các loại Duyên. Có 24 Duyên được trình bày và sắp xếp theo thứ tự theo thực tính, mãnh lực, và tầm quan trọng của từng Duyên. 24 Duyên này làm mãnh lực, năng lực ảnh hưởng, và tạo tác sự xuất sinh của các pháp (Duyên sinh ra các Pháp) gọi là Duyên Sinh. Mãnh lực làm liên hệ của các Pháp gọi là Duyên Hệ; và mãnh lực bảo trì hay bảo hộ cho các Pháp được tồn tại gọi là Duyên Bảo Hộ. Theo như các Bộ Chú giải thì có 47 Duyên giảng giải theo nghĩa rộng của 24 Duyên. Duyên là Paccaya.

Ví dụ

- Người Mẹ là mãnh lực xuất sinh hay duyên xuất sinh cho người con ra đời.
- Người Mẹ và con có mãnh lực Duyên liên hệ với nhau trong tình Mẫu Tử.
- Người Mẹ có mãnh lực bảo hộ cho con được vuông tròn lớn khôn.

** Do đâu mà có các Pháp? Do mãnh lực Duyên (duyên sinh, duyên hệ, duyên bảo hộ) mà có các Pháp.

2. Nội dung thứ nhì: Trình bày hay phân tích Pháp. Trình bày thực tính Pháp theo 24 Duyên. Thực tính Pháp (Sabhāva dhamma) là đặc tính riêng, thực tính hiện hữu của Pháp, và không thay đổi theo thời gian.

Ví dụ

- Pháp Thiện: Là việc tốt, điều hay, và sự tịnh hảo.
- Thực tính của Pháp Thiện: Là sự phối hợp của Tâm Thiện và Tâm Sở Tịnh Hảo, với ba nhân: vô Tham, vô Sân, vô Si.
- Pháp Thiện có thể thay đổi qua các việc làm, hành động Thiện khác nhau như (xả thí, cúng dường, tu tâm, sửa tánh, hành thiền, v.v..) nhưng tất cả các việc Thiện ấy đều có thực tính Pháp là vô Tham, vô Sân, vô Si của Tâm Thiện và Tâm Sở Tịnh Hảo.

Ghi nhớ

Con người có thực tính gì? Con người có thực tính tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si. Hai người gặp nhau hay tiếp xúc với nhau không phải do ngẫu nhiên mà do thực tính của hai người cùng với mãnh lực của Duyên Sinh,



Duyên Hệ, và Duyên Bảo Hộ.

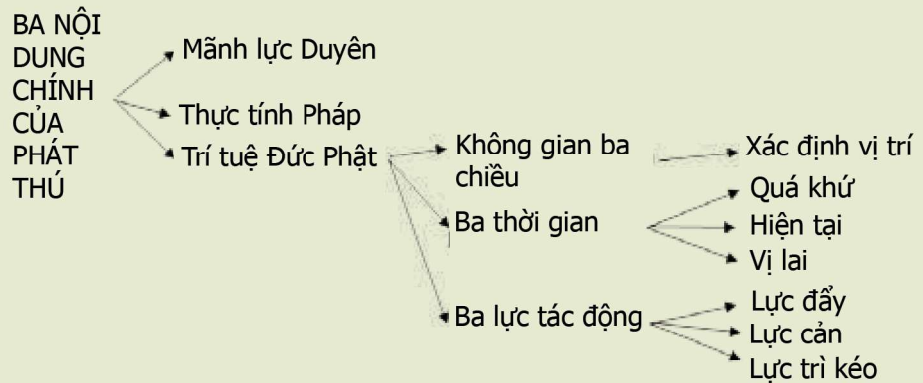
3. Nội dung thứ ba: Sự tiến hành và đi lại trong Pháp của Bạc Trí Toàn Giác (gọi là Trí tuệ Đức Phật).

Bạc Trí Toàn Giác suy nghĩ cái chi và Ngài dùng trí tuệ để làm điều gì?

Đức Phật dùng trí tuệ thấy rõ thực tính và thực tướng của mọi Pháp trong thế gian và cho chúng ta biết là con người, hay các Pháp chịu sự chi phối, tác động, và ảnh hưởng bởi ba điều là:

- Ba chiều không gian
- Ba thời gian (thời quá khứ, thời hiện tại, và thời vị lai)
- Ba lực tác động là: lực đẩy, lực ngăn cản, và lực trì kéo

Sự kết hợp của ba chiều không gian, ba thời gian, và ba tác động lực tạo ra một sự vận hành, hoại diệt, và sinh ra không ngừng nghỉ và đó là Vô Thường. Đó cũng là một sự luân hồi. Con người và các Pháp trong thế gian luôn chịu ảnh hưởng và thay đổi theo sự vận hành, hoại diệt, và sinh lại này.



Như thế nào mà nói là Bạc Trí Toàn Giác tiến hành, hay đi lại trong các Pháp? Sự tiến hành, đi lại của Bạc Toàn Giác là sự chiêm nghiệm, suy ngẫm, và thấu triệt các Pháp, thực tính của các Pháp, và sự ảnh hưởng chi phối đến các Pháp do ba chiều không gian, thời gian, và lực tác động. Sau khi thấu triệt về các Pháp, Bạc Trí Toàn Giác khái thuyết các Pháp cho chúng sanh.

Con người dùng trí thức (kiến thức) để nhìn vào mọi việc nên không thấy được bản chất thật (thực tính) của thế gian và không thấy được con người cũng như vạn vật luôn chịu sự tác động ảnh hưởng của ba chiều không gian, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai), và ba lực tác động (đẩy, cản, trì kéo) mà vận hành, hoại, diệt, sinh lại không ngừng nghỉ tạo ra một vòng luân hồi. Ngay khi ta đang nói một điều gì, làm một điều gì, nghĩ một điều gì ta cũng bị một sự đẩy, cản, và trì kéo.

Biết được như thế ta sẽ nhận thấy được thực tính của Pháp và bẻ gãy cái vòng tròn luân hồi bởi con đường Đạo.

Trong mỗi điều Pháp, khi theo mãnh lực từ nơi Duyên, thì làm mãnh lực cho rất nhiều Duyên, và trong từng mỗi loại Duyên cũng có nhiều chi Pháp sai khác nhau.

Ghi nhớ

1. Tìm thấy mãnh lực Duyên tác động
2. Mau lẹ tìm thấy thực tính Pháp của Duyên
3. Dùng Trí tuệ Đức Phật để sử dụng hay bẻ gãy Duyên đó (còn tiếp). ■

Xuất xứ và nội dung BỘ PATTHĀNA thuộc Luận tạng Pāli

Tk. Pasado - Diệu Giác
(tiếp theo)

5. CÓ 6 NHÓM PHÁT THÚ

1. Tam đề phát thú: Có 22 tam đề trong nhóm tam đề phát thú. Mỗi mẫu đề của nhóm tam đề có 3 pháp. Tam đề phát thú có $(22 \times 3 = 66)$ pháp.

a. Ví dụ: Mẫu đề tam của tam đề phát thú thứ nhất là pháp bất thiện, pháp thiện, pháp vô ký.

2. Nhị đề phát thú: Có 100 nhị đề trong nhóm nhị đề phát thú. Mỗi nhị đề có 2 pháp. Nhị đề phát thú có $(100 \times 2 = 200)$ pháp.

a. Ví dụ: Mẫu đề tam của nhị đề phát thú thứ nhất là pháp nhân (pháp hữu nhân), pháp phi nhân.

3. Nhị đề tam đề phát thú: Đưa 22 tam đề vào trong 100 nhị đề. Nhóm này có tất cả là $(66 \times 200 = 13.200)$ pháp.

a. Ví dụ: Mẫu đề tam của nhị đề tam đề phát thú thứ nhất là

4. Tam đề nhị đề phát thú: Đưa nhị đề vào trong 22 tam đề. Nhóm này có tất cả là $(200 \times 66 = 13.200)$ pháp

5. Tam đề tam đề phát thú: Đưa 22 tam đề lồng trong 22 tam đề. Nhóm này có tất cả là $(66 \times 66 = 4.136)$ pháp

6. Nhị đề nhị đề: Đưa 100 nhị đề lồng trong 100 nhị đề. Nhóm này có tất cả là $(200 \times 200 = 40.000)$ pháp). Mỗi nhóm phát thú có (4) phần: Thuận, nghịch, thuận nghịch, và nghịch thuận. do đó, tổng số pháp của mỗi nhóm tăng lên 4 lần. Ví dụ, nhóm tam đề phát thú sẽ có tổng số pháp là $(3 \times 22 \times 4 \text{ hay } 66 \times 4)$.

Ví dụ

Ứng dụng của các phần thuận, nghịch, thuận nghịch và nghịch thuận

1. Thuận = đơn tính, sáng

2. Nghịch = đơn tính, tối

3. Thuận nghịch = đa tính, từ sáng đi vào tối (trở thành tối). Khi được thuận thì dễ bị dính vào, khó ra và khó thấy sự thật hay thực tính của pháp nên thuận trở thành nghịch

4. Nghịch thuận = đa tính, từ tối đi ra sáng (trở thành sáng).

Ghi nhớ

* Một người đang từ thuận sang nghịch và từ nghịch sang thuận rất nhanh và dễ dàng.

* Vậy vì sao đi từ thuận sang nghịch và từ nghịch sang thuận?

* Đó là do mãnh lực duyên (duyên sinh, duyên hệ, duyên bảo hộ)

Áp dụng 4 pháp (thuận, nghịch, thuận nghịch, nghịch thuận) vào tứ đế

Tứ đế

- Khổ: Là pháp thuận (1)

- Tập: Là pháp nghịch (2)

- Diệt: Là pháp thuận nghịch (3)

- Đạo: Là pháp nghịch thuận (4)

Áp dụng pháp thuận nghịch vào hành thiền.

Khi hành thiền có 3 cái điên đảo:

- Kiến điên đảo

- Tưởng điên đảo

- Thức điên đảo

Ba cái điên đảo này là pháp nghịch (2) và pháp thuận nghịch (3). Pháp nghịch là vì kiến điên đảo, tưởng điên đảo, thức điên đảo là ba pháp nghịch trong khi hành thiền. Khi hành thiền kiến thức ta khởi sinh và cho rằng ta đang hành đúng và hiểu biết sáng suốt nhưng đó là cái thuận của hiệp thế để đưa đến cái nghịch cho siêu thế (đạo quả).

Ghi nhớ: Trong cuộc đời ta có những trường hợp như sau:

* Có người sinh ra được thuận duyên và đi xuyên suốt trên con đường thuận duyên

* Có người sinh ra bị nghịch duyên và đi xuyên suốt trên con đường nghịch duyên

* Có người sinh ra được thuận duyên nhưng không biết khôn khéo để trở thành nghịch

* Có người bị nghịch duyên nhưng được sự giúp đỡ và trở thành thuận duyên.

Mỗi trường hợp đều là một pháp. Đã là một pháp thì sẽ có thực tính (đặc tính) của pháp ấy và sẽ bị tác động bởi ba chiều không gian, ba thời gian, và ba lực tác động để hành, hoại, diệt, và sinh theo một vòng luân hồi như đức Phật đã cho chúng ta thấy qua trí tuệ của Ngài. Vì thế chúng ta phải thận trọng, cẩn thận nhìn thấu thực tính pháp mà xoay chuyển và giải quyết vấn đề theo trí tuệ đức Phật.

Bốn trường hợp đó là bốn con đường đi (gọi là 4 đường đạo) gồm 2 chánh (2 sáng) và 2 tà (2 tối).

Trên con đường tu tập phải xem xét lại những điều sau:

- Con đường ta đi là con đường nào?

- Con đường ta đi đúng hay sai theo thực tính pháp?

- Con đường ta đi có đủ duyên hay không?

- Con đường ta đi theo trí tuệ đức Phật thì ra sao?

Liên quan và tương tạt qua duyên

1. Tương tạt là một sự hỗ tương nhưng bị xáo trộn.

Ví dụ

- Pháp thiện tương tạt pháp bất thiện: Làm một việc thiện xả thí cho một người nghèo nhưng bị tương tạt giằng co giữa "cho" hay "không cho"

- Muốn được giải thoát níp bàn mà nan giải tương tạt giữa việc xuất gia hay ở lại tại gia

- Muốn đắc đạo quả nhưng tương tạt với cái khổ và giằng co trong khi hành thiền.

2. Liên quan: Chuyển sự tương tạt thành sự liên quan

Ví dụ

- Pháp thiện liên quan pháp thiện: Vì muốn làm một việc thiện nên xả thí

- Vì muốn được giải thoát níp bàn nên xuất gia tu tập

- Vì muốn được thoát khổ nên tu tập để đạt đạo quả

Tất cả những pháp ấy đều do mãnh lực duyên tác động.

Ghi nhớ

** Liên quan là cách nhìn sáng suốt hơn tương tạt. Tu tập để có trí tuệ để thấy được sự liên quan thay vì thấy sự tương tạt. Sự liên quan là do nắm được pháp và thấy được pháp.

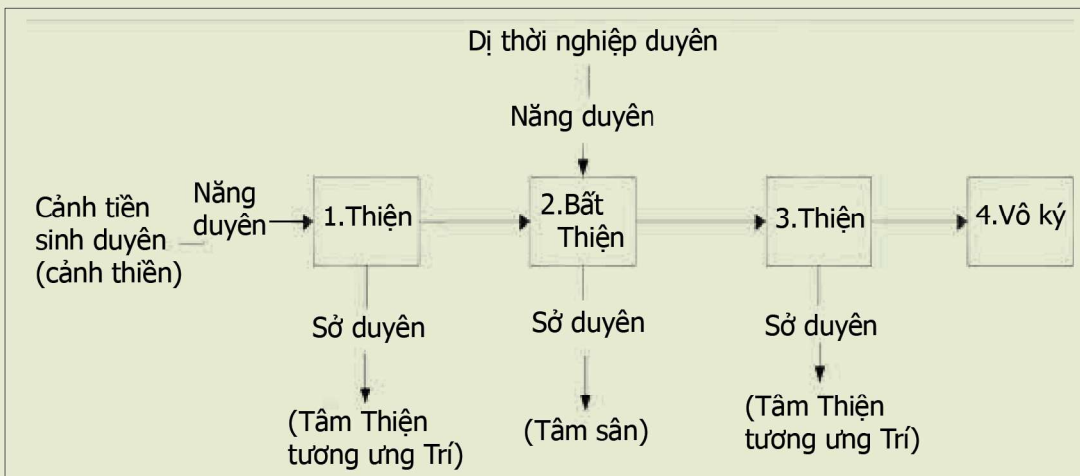
Ba loại tướng pháp:

1. Pháp năng duyên – là pháp làm thành nhân

2. Pháp sở duyên – là pháp làm thành quả

3. Pháp địch duyên – là pháp ngoài quả (có khi là nhân, đối nghịch với sở duyên)

Ví dụ: Ứng dụng pháp năng duyên, sở duyên, và 3 nội dung của phát thú qua tiến trình của tâm trong khi ngồi thiền.



- Tại sao có tâm tương ưng trí?

- Tại sao có tâm sân?

- Tại sao lại có tâm tương ưng trí trở lại?

Ta trả lời được cho những câu hỏi trên qua phát thú (còn tiếp).■

Xuất xứ và nội dung BỘ PATTHĀNA thuộc Luận tạng Pāli

Tk. Pasado - Diệu Giác
(tiếp theo)

Bước (1) thiện: Lúc vào ngồi thiền thì có tâm thiện tương ứng trí là pháp sở do cảnh thiện quán là pháp năng duyên làm duyên cho tâm thiện tương ứng trí sinh khởi do bởi cảnh tiền sinh duyên. Ở đây, không nói đến phóng dật (là pháp địch duyên). Khi hành thiền phải biết pháp nào sinh khởi và là năng duyên hay sở duyên. Ở đây, cảnh tiền sinh duyên là pháp năng duyên trợ sanh sự chánh niệm.

Khi nắm được duyên (năng hay sở) thì thấy được pháp và nắm được thực tính của pháp. Và khi đó thấy được trí tuệ đức Phật sinh lên - thấy được nguyên nhân và nền tảng của pháp.

Trong bước (1) ta có:

* Duyên: Có cảnh tiền sanh duyên là năng duyên (nhân) và tâm thiện tương ứng trí là sở duyên (quả). Pháp là cảnh thiện tương ứng trí.

* Thực tính pháp: Nền tảng của pháp - thấy thực tính của pháp là thiện.

* Trí tuệ đức Phật: Không gian 3 chiều, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, và vị lai), và 3 lực tác động (đẩy, ngăn cản, và trì kéo) tác động qua hành, hoại, diệt, sinh (vô thường).

Bước (2) chuyển từ tâm thiện qua tâm bất thiện - đi từ pháp thuận đến pháp nghịch do nghiệp trở sinh hiện bày qua dị thời nghiệp duyên. Tâm sân (bất thiện) sinh khởi là pháp sở duyên (quả) do bởi dị thời nghiệp duyên (năng duyên). Áp dụng 3 nội dung của phát thú vào bước (2) như sau:

* Duyên: Dị thời nghiệp duyên là mãnh lực làm tâm thay đổi từ thiện sang bất thiện

* Thực tính pháp: Là pháp bất thiện (do tham, sân, và si mà có)

* Trí tuệ đức Phật: Tâm sân sinh là do tác ý không muốn ngồi thiền nữa vì đau nhức nên sinh sân.

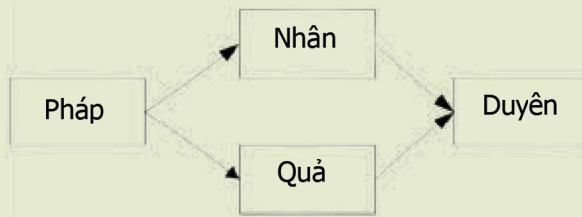
Ghi nhớ

* Khi đi từ pháp thuận qua nghịch là từ sáng đến tối, phải cẩn thận để thấy được mãnh lực của năng duyên hay sở duyên tác động không phải do ngẫu nhiên.

* Bất cứ trường hợp nào cũng luôn có duyên (năng duyên hay sở duyên). Khi thấy được như thế là thấy được trí tuệ đức Phật.

Do 3 loại tướng pháp (năng, sở, địch) cho thấy được sự tương quan của nhân, quả, và duyên

trong các pháp



** Nắm được ba loại tướng pháp thì có căn bản để nhìn thấy và biết được pháp. Phân biệt được pháp là gốc (nhân) hay ngọn (quả). Trong gốc hay ngọn đó có một mảnh lực duyên tác động.

Khi một pháp đang hiện bày ta phải suy xét những điều sau:

- Pháp nào ta đang nhận?
- Pháp này là nhân hay quả?
- Bởi duyên gì mà có pháp này?

Ghi nhớ

Tất cả các pháp hiện hữu trên đời đều có 3 tướng pháp là pháp năng duyên, pháp sở duyên, và pháp địch duyên. Và trong mỗi tướng pháp, mỗi năng duyên, sở duyên, hay địch duyên đều có 3 pháp hiện bày là:

- Pháp hiện bày theo thực tính
- Nhân của pháp hiện bày
- Duyên làm cho pháp hiện bày

Ba loại tướng Pháp	Pháp	Năng	Duyên	1. Pháp hiện bày theo thực tính 2. Pháp này là Pháp Năng, Sở, hay Địch duyên 3. Pháp này do duyên nào mà hiện bày Ba Pháp trong mỗi loại tướng Pháp
	Pháp	Sở	Duyên	
	Pháp	Địch	Duyên	

Ví dụ: Sự la mắng của người là một pháp bất thiện, là pháp sở duyên (quả) sinh khởi hiện bày do bởi mãnh lực của nghiệp duyên (là nhân).

Người	La mắng	Người	Ta không nên làm người Năng duyên trong trường hợp này vì tạo nhân bất thiện. Làm người Sở duyên (quả) là để trả nghiệp, và tu tập diệt phiền não
Năng duyên	Pháp bất thiện	Sở duyên	

Ghi nhớ

** Ta không nên tạo pháp năng duyên (la mạng người) vì sẽ tạo nhân bất thiện. Ta làm người sở duyên và ghi nhận sự la mạng để trả nghiệp và tu tập diệt trừ phiền não.

TÓM TẮT PHẦN 1

BA NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHÁT THỨ	
I. DUYÊN	Mãnh lực hay năng lực giúp đỡ, ủng hộ làm duyên cho các Pháp hiện bày. * Duyên làm phận sự sinh khởi các Pháp - Gọi là Duyên Sinh. * Duyên làm phận sự liên hệ các Pháp - Gọi là Duyên Hệ. * Duyên làm phận sự bảo hộ các Pháp - Gọi là Duyên Bảo hộ. Không phải duyên nào cũng làm hết ba chức năng. Có Duyên làm phận sự xuất sinh nhưng không bảo hộ.
II. THỰC TÍNH PHÁP	Đặc tính hay tính chất thật và riêng của Pháp mà không thay đổi theo thời gian.
III. TRÍ TUỆ ĐỨC PHẬT	Không gian ba chiều: Xác định vị trí của ta Ba thời gian: Quá khứ, hiện tại, vị lai Ba lực tác động: Lực đẩy, lực cản, lực trì kéo Mọi Pháp đều chịu ảnh hưởng, tác động của không gian ba chiều, ba thời gian, ba lực tác động trong sự vận hành, hoại, diệt, sinh không ngừng nghỉ trong một vòng luân hồi. Vô thường, vô ngã.
BỐN PHẦN PHÁP	
Pháp Thuận	Sáng: Tu - Thuận để tu, thấy Khổ (khổ đế) để tu tập.
Pháp Nghịch	Tối: Diệt - Nghịch để diệt. Thấy nghịch (tập đế) để diệt giặc lòng.
Pháp Thuận Nghịch	Tối: Tu Diệt - Thuận để tu và tu để Diệt (diệt đế) những điều nghịch.
Pháp Nghịch Thuận	Sáng: Diệt Đạt - Nghịch là để diệt và diệt để đạt đến Đạo Quả (đạo đế) (tối ra sáng).
BA TƯỚNG PHÁP	
Pháp Năng	Pháp làm thành Nhân
Pháp Sở	Pháp làm thành Quả
Pháp Địch	Pháp ngược với Pháp Quả. Có khi là Pháp Nhân
BA YẾU TỐ CỦA MỖI TƯỚNG PHÁP	
Thực tính của Pháp	Pháp đang hiện qua thực tính Pháp
Pháp là Năng hay Sở	Pháp này là Nhân hay Quả.
Duyên nào làm cho Pháp hiện bày	Do mãnh lực Duyên nào đưa đến sự hiện bày của Pháp này.